

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ, dự toán
và kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**Dự án: Nghiên cứu xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ,
huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và giải pháp khắc phục**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chi tiết kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1887/QĐ-TTg ngày 31/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ vốn từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2018 cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách;

Căn cứ Văn bản số 553/BKHĐT-KTNN ngày 22/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo danh mục và mức vốn thực hiện các dự án khắc phục sạt lở bờ biển và bồi lấp cửa sông khu vực miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07/10/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc đề xuất chủ trương đầu tư, dự án Nghiên cứu xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và giải pháp khắc phục;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 130/TTr-BQL ngày 10/7/2019; ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1398/SNN-QLXDCT ngày 10/7/2019 và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 424/BC-SKHĐT ngày 10/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và Dự toán, dự án Nghiên cứu xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và giải pháp khắc phục với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nghiên cứu xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và giải pháp khắc phục.

2. Cấp quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

4. Địa điểm nghiên cứu: Huyện An Lão, Hoài Ân, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

5. Nhà thầu lập Đề cương nhiệm vụ và Dự toán: Trường Đại học Thủy lợi.

6. Khối lượng và nhiệm vụ tư vấn:

a. Khối lượng khảo sát:

- Thu thập tổng hợp tài liệu:

+ Thu thập tài liệu:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công ngày
1	Thu thập, phân tích, tổng hợp các tài liệu khí tượng, thủy hải văn, địa hình, địa mạo khu vực nghiên cứu	Công của chủ nhiệm	20
		Công của thành viên chính	25
		Công của thành viên	30
2	Thu thập, phân tích các tài liệu diễn biến lòng dẫn, ngập lụt và công trình trên lưu vực sông Lại Giang.	Công của chủ nhiệm	15
		Công của thành viên chính	20
		Công của thành viên	25
3	Thu thập, phân tích tổng hợp các tài liệu dân sinh, kinh tế và môi trường khu vực nghiên cứu	Công của chủ nhiệm	20
		Công của thành viên chính	25
		Công của thành viên	30

+ Mua tài liệu bổ sung

TT	Loại tài liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Mua tài liệu đo lưu lượng trạm An Hòa (tối thiểu 20 năm)	Năm	20
2	Mua tài liệu mực nước triều trạm Quy Nhơn (tối thiểu 20 năm)	Năm	20
3	Mua tài liệu khí tượng (Nhiệt độ, mưa 20 năm)	Năm	20

- Khảo sát đo đạc:

+ Khảo sát đo đạc thủy, hải văn:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	Khảo sát, đo đạc bổ sung về các yếu tố thủy văn vùng cửa sông, ven biển An Dũ (Bình Định) theo các mùa đặc trưng		
1	Đo mực nước vùng cửa An Dũ (1 trạm x 7 ngày x 2 đợt đo, chế độ đo 12 lần/ngày)	ngày x trạm	14
2	Đo lưu lượng vùng cửa sông An Dũ (2 trạm x 7 ngày x 2 đợt đo, chế độ đo 12 lần/ngày)	ngày x trạm	28
3	Đo độ mặn vùng cửa sông (1 trạm x 7 ngày x 24 lần/ngày)	mẫu	168
II	Khảo sát, đo đạc bổ sung về các yếu tố hải văn vùng cửa sông, ven biển An Dũ (Bình Định) theo các mùa đặc trưng		
1	Đo dòng chảy vùng ven biển An Dũ: 1 trạm x 7 ngày x 2 đợt, chế độ đo 24 lần/ngày	ngày x trạm	14
2	Đo sóng ven bờ biển An Dũ: 1 trạm x 7 ngày x 2 đợt, chế độ đo 24 lần/ngày	ngày x trạm	14
3	Đo mực nước vùng ven biển An Dũ: 1 trạm x 7 ngày x 2 đợt, chế độ đo 24 lần/ngày	ngày x trạm	14
III	Chi khác cho khảo sát thủy hải văn		
1	Dẫn thủy chuẩn đến các điểm đo mực nước	km	15
2	Thuê xe chở người và thiết bị từ Quy Nhơn ra công trình phục vụ khảo sát thủy văn (xe đi và về 2 chiều x 2 đợt)	km	400
3	Thuê thuyền đo lưu lượng: 7 ngày x 2 đợt x 2 trạm	ngày	28
4	Thuê thuyền khảo sát mặn: 7 ngày x 1 đợt x 1 trạm	ngày	7

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
5	Thuê thuyền đo dòng chảy, đo sóng : 7 ngày x2 đợt x 2 trạm	ngày	28

+ Thu thập, phân tích mẫu bùn cát:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	Chi phí trực tiếp		
1	Lấy mẫu bùn và phân tích bùn cát lơ lửng vùng ven biển (độ đục)		
1.1	Lấy mẫu: 2 đợt x 7 ngày/đợt x 12 mẫu/ngày = 168 mẫu	mẫu	168
1.2	Phân tích mẫu: 2 đợt x 7 ngày/đợt x 12 mẫu/ngày = 168 mẫu	mẫu	168
2	Lấy mẫu và phân tích bùn cát đáy		
2.1	Công lấy mẫu: 1 đợt x 18 mặt cắt x 1 công/MC = 18 công	công	18
2.2	Phân tích mẫu : 1 đợt x 18 mặt cắt x 5 mẫu/MC = 90 mẫu	mẫu	90
II	Chi khác cho công tác lấy mẫu		
1	Thuê thuyền lấy mẫu đáy: 1 thuyền x 4 ngày x1 đợt	ngày/thuyền	4

+ Khảo sát địa hình:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Công tác đo lưới khống chế mặt bằng, đường truyền cấp II, bộ thiết bị GPS (3 máy)	điểm	56,000
2	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn hạng IV, cấp địa hình II	km	13,000
3	Công tác đo khống chế cao, thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình II	km	37,720
4	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình II	100ha	0,532
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình dưới nước; bản đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình III	100ha	2,960
6	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn; bản đồ tỷ lệ 1/10.000, đường đồng mức 2m, cấp địa	100ha	0,183

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
	hình II		
7	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình dưới nước; bản đồ tỷ lệ 1/10.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình V	100ha	4,267
8	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn; cấp địa hình II	100m	27,900
9	Công tác đo vẽ mặt cắt địa hình, đo vẽ mặt cắt ngang ở dưới nước; cấp địa hình III	100m	24,140

+ Khối lượng khảo sát địa chất công trình:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	24,00
2	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước ≥ 9 m), độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m	24,00
3	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở dưới nước, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	1m	24,00
4	Công tác thí nghiệm tại hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, cấp đất đá I-III	lần	24,00
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	12,00
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	12,00
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	12,00
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	12,00
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	12,00
10	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	12,00
11	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng (C,	1 chỉ tiêu	12,00

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
	phi)		
12	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	12,00

- Xây dựng bộ công cụ mô hình toán:

+ Mô hình một chiều:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	Mô hình toán thủy lực 1 chiều		
1	Thiết lập tài liệu địa hình tính toán (cập nhật số liệu mặt cắt ngang)	100m	52,04
2	Hiệu chỉnh và xác định bộ thông số cho mô hình	1 chuỗi SL mực nước	1
3	Kiểm định và đánh giá sai số	1 chuỗi số liệu	1
4	Tính toán mô phỏng các kịch bản (tính toán, trích kết quả, phân tích tổng hợp kết quả tính toán)	1 Kịch bản	1
4.1	Mô phỏng dòng chảy mùa kiệt (85%)	1 Kịch bản	1
4.2	Mô phỏng dòng chảy lũ lịch sử, điển hình (1 trận lũ)	1 Kịch bản	1
4.3	Mô phỏng dòng chảy lũ theo tần suất (1%, 2%, 4%, 10%)	1 Kịch bản	4

+ Mô hình 2 chiều:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
I	Mô hình ven biển Bình Định		
1	Xử lý tài liệu để thiết lập lưới tính toán	100ha	26
2	Xây dựng lưới hai chiều	100ha	26
3	Thiết lập các điều kiện biên (phân tích lựa chọn các điều kiện biên theo chuỗi thời gian)	1 chuỗi số liệu	4
4	Thiết lập điều kiện ban đầu	mô hình	1
5	Thiết lập các thông số thủy lực, hình thái cơ bản	mô hình	1
6	Thiết lập và mô phỏng các công trình	1 công trình	2
7	Hiệu chỉnh và xác định bộ thông số cho mô hình	1 chuỗi số liệu	2
8	Kiểm định và đánh giá sai số	1 chuỗi số liệu	2

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
9	Tính toán mô phỏng các kịch bản (tính toán, trích kết quả, phân tích tổng hợp kết quả tính toán)		
9.1	- Tính toán các chế độ sóng, triều đặc trưng ở vùng nước sâu thời kỳ gió mùa đông bắc (ĐB) và thời kỳ gió mùa tây nam (TN) cho dải bờ biển tỉnh Bình Định và vùng lân cận.	1 Kịch bản	2
9.2	Tính toán và phân tích đánh giá chế độ sóng, dòng chảy ven bờ tỉnh Bình Định và lân cận trong điều kiện bão (bão khi triều cường, bão khi triều thấp)	1 Kịch bản	2
II	Mô hình cửa An Dũ		
1	Xử lý tài liệu để thiết lập lưới tính toán	100ha	30
2	Xây dựng lưới hai chiều	100ha	30
3	Thiết lập các điều kiện biên (phân tích lựa chọn các điều kiện biên theo chuỗi thời gian)	1 chuỗi số liệu	4
4	Thiết lập điều kiện ban đầu	mô hình	1
5	Thiết lập các thông số thủy lực, hình thái cơ bản	mô hình	1
6	Thiết lập và mô phỏng các công trình	1 công trình	2
7	Hiệu chỉnh và xác định bộ thông số cho mô hình	1 chuỗi số liệu	2
8	Kiểm định và đánh giá sai số	1 chuỗi số liệu	2
9	Tính toán mô phỏng các kịch bản (tính toán, trích kết quả, phân tích tổng hợp kết quả tính toán)	1 Kịch bản	
	<i>Mô phỏng kịch bản điều kiện hiện trạng</i>		
9.1	Nghiên cứu đánh giá trường sóng, dòng chảy và diễn biến hình thái khu vực cửa An Dũ trong 2 mùa gió chính (ĐB- TN) và trong bão	1 Kịch bản	2
9.2	Tính toán diễn biến hình thái cửa An Dũ trong điều kiện có lũ (lũ điển hình, lũ thiết kế) kết hợp điều kiện động lực biển (triều cường, kiệt)	1 Kịch bản	4
	<i>Mô phỏng kịch bản khi có công trình (3 PA công trình)</i>		

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
9.3	Nghiên cứu đánh giá trường sóng, dòng chảy và diễn biến hình thái khu vực cửa An Dũ trong 2 mùa gió chính (ĐB- TN) và trong bão	1 Kịch bản	6
9.4	Tính toán diễn biến hình thái cửa An Dũ trong điều kiện có lũ (lũ điển hình, lũ thiết kế) kết hợp điều kiện động lực biển (triều cường, kiệt)	1 Kịch bản	12
III	Mô hình lan truyền mặn		
1	Thiết lập các điều kiện biên (phân tích lựa chọn các điều kiện biên theo chuỗi thời gian)	1 chuỗi số liệu	3
2	Thiết lập điều kiện ban đầu	mô hình	1
3	Thiết lập các thông số thủy lực, hình thái cơ bản	mô hình	1
4	Thiết lập và mô phỏng các công trình	1 công trình	3
5	Hiệu chỉnh và xác định bộ thông số cho mô hình	1 chuỗi số liệu	1
6	Kiểm định và đánh giá sai số	1 chuỗi số liệu	1
7	Tính toán mô phỏng các kịch bản (tính toán, trích kết quả, phân tích tổng hợp kết quả tính toán)	1 Kịch bản	
7.1	Mô phỏng kịch bản điều kiện hiện trạng	1 Kịch bản	1
7.2	Mô phỏng kịch bản khi có công trình (3 PA công trình)	1 Kịch bản	3

- Phân tích nguyên nhân bồi lấp:

+ Thu thập phân tích ảnh viễn thám:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công ngày
1	Thu thập ảnh viễn thám khu vực cửa An Dũ giai đoạn (1988 - 2019) phục vụ nghiên cứu diễn biến hình thái khu vực nghiên cứu	Công của chủ nhiệm	10
		Công của thành viên chính	20
		Công của thành viên	30
2	Xử lý, nắn chỉnh ảnh và giải đoán đường bờ từ các ảnh viễn thám đã thu thập được	Công của chủ nhiệm	10
		Công của thành viên chính	25
		Công của thành viên	30
3	Phân tích và đánh giá diễn biến	Công của chủ nhiệm	20

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công ngày
	hình thái cửa An Dũ thời kỳ nhiều năm	Công của thành viên chính	20
		Công của thành viên	30
		Công của chủ nhiệm	20
4	Phân tích và đánh giá diễn biến hình thái cửa An Dũ theo mùa	Công của thành viên chính	20
		Công của thành viên	30
		Công của chủ nhiệm	20

+ Nghiên cứu, phân tích nguyên nhân bồi lấp:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công ngày
1	Phân tích, đánh giá hiện trạng khu vực nghiên cứu	Công của chủ nhiệm	10
		Công của thành viên chính	20
		Công của thành viên	30
2	Tính toán, phân tích chế độ thủy động lực ven bờ khu vực cửa An Dũ và lân cận	Công của chủ nhiệm	20
		Công của thành viên chính	40
		Công của thành viên	60
3	Tính toán và phân tích chế độ thủy động lực và vận chuyển bùn cát khu vực cửa An Dũ	Công của chủ nhiệm	30
		Công của thành viên chính	40
		Công của thành viên	60
4	Đánh giá nguyên nhân, cơ chế gây bồi lấp cửa An Dũ	Công của chủ nhiệm	30
		Công của thành viên chính	40
		Công của thành viên	60

+ Đề xuất chỉnh trị:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công ngày
1	Đánh giá nguyên nhân, cơ chế gây bồi lấp, xói lở khu vực cửa An Dũ	Công của chủ nhiệm	30
		Công của thành viên chính	50
		Công của thành viên	40
2	Đề xuất giải pháp phi công trình	Công của chủ nhiệm	50
		Công của thành viên chính	90
		Công của thành viên	60
3	Quy hoạch tổng thể hệ thống công trình chỉnh trị	Công của chủ nhiệm	60
		Công của thành viên chính	100
		Công của thành viên	60

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số công ngày
4	Sơ bộ đánh giá tác động môi trường giải pháp	Công của chủ nhiệm	40
		Công của thành viên chính	100
		Công của thành viên	40
5	Lập hồ sơ thiết kế sơ bộ giải pháp chỉnh trị cửa An Dũ	Công của chủ nhiệm	70
		Công của thành viên chính	140
		Công của thành viên	80
6	Khái toán kinh phí của giải pháp	Công của chủ nhiệm	30
		Công của thành viên chính	50
		Công của thành viên	20

- Chi khác:

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)		
1.1	Ban chủ nhiệm và nhóm kỹ thuật đi khảo sát thực địa tổng quan toàn khu vực nghiên cứu		
a	Tiền lưu trú (6 người x 3 ngày x 200.000 đồng/ngày/người) x 1 đợt	ngày	18
b	Tiền ngủ (6 người x 2 đêm x 300.000 đồng/đêm/người) x 1 đợt	đêm	12
c	Chi phí đi lại khảo sát thực địa (có hóa đơn VAT)		
	Thuê xe đi khảo sát thực địa tại Bình Định (105km Quy Nhơn- Hoài Nhơn x 2 chiều, đi lại toàn bộ khu vực thượng hạ lưu lưu vực sông Lại Giang, các khu vực liên quan dự án)	km	310
1.2	Chuyên gia và ban chủ nhiệm đi nghiên cứu phương án chỉnh trị (mùa lũ)		
a	Tiền lưu trú (3 người x 5 ngày x 200.000 đồng/ngày/người) x2 đợt	ngày	30
b	Tiền ngủ (3 người x 4 đêm x 300.000 đồng/đêm/người) x2 đợt	đêm	24
c	Chi phí đi lại khảo sát thực địa (có hóa đơn VAT)		
	Thuê xe đi khảo sát thực địa tại Bình Định (Quy Nhơn- Hoài Nhơn x 2 chiều, đi lại toàn bộ khu vực thượng hạ lưu lưu vực sông Lại Giang, các khu vực liên quan dự án)	km	1.020
2	Hội thảo, báo cáo		

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
2.1	<i>Hội thảo tại tỉnh Bình Định (2 lần, dự kiến 30 người/ buổi hội thảo)</i>		
-	Chủ trì hội thảo (1.500.000 đ/người/buổi hội thảo)	người	2
-	Thư ký hội thảo (500.000 đ/người/buổi hội thảo)	người	2
-	Thành viên tham gia hội thảo (200.000 đ/thành viên/buổi hội thảo)	người	44
-	Nước uống	người	60
-	Photo tài liệu (tạm tính)		2
-	Chi phí đi lại nhóm tư vấn (3 người)		
a	Tiền lưu trú (3 người x 2 ngày x 200.000 đồng/ngày/người) x2 đợt	ngày	12
b	Tiền ngủ (3 người x 1 đêm x 300.000 đồng/đêm/người) x2 đợt	đêm	6
2.2	<i>Hội thảo tại Hà Nội (1 buổi, 30 người)</i>		
	Chủ trì hội thảo (1.500.000 đ/người/buổi hội thảo)	người	1
	Thư ký hội thảo (500.000 đ/người/buổi hội thảo)	người	1
	Thành viên tham gia hội thảo (200.000 đ/thành viên/buổi hội thảo)	người	22
	Nước uống	chai	30
	Photo tài liệu (tạm tính)		1
2.3	<i>Báo cáo tiến độ (2 lần)</i>		
	Chi phí đi lại nhóm tư vấn (3 người)		
+	Tiền lưu trú (3 người x 2 ngày x 200.000 đồng/ngày/người) x2 đợt	ngày	12
+	Tiền ngủ (3 người x 1 đêm x 300.000 đồng/đêm/người) x2 đợt	đêm	6
+	Chi phí in ấn tài liệu	lần	1

b. Nhiệm vụ thiết kế:

Xác định nguyên nhân đã gây ra hiện tượng sạt lở, bồi lấp tại cửa sông và ven biển của khu vực cửa An Dũ. Trong đó, có nghiên cứu cập nhật kịch bản phía thượng lưu đã xây dựng hồ Đồng Mít và Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang.

Tìm giải pháp chỉnh trị hợp lý đối với cửa sông, ven biển của khu vực cửa An Dũ. Đánh giá về hiệu quả của các giải pháp chỉnh trị và tính khả thi khi ứng dụng vào thực tế đối với khu vực nghiên cứu. Đánh giá sự phù hợp của giải pháp thiết kế dự án nạo vét, thông luồng.

7. Quy chuẩn, Tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi.

- QCVN 04-05/2012/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 8478:2010: Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8477: 2010: CTTL - Thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế công trình thủy lợi.

8. Dự toán chi phí: 4.760.116.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm sáu mươi triệu, một trăm mười sáu nghìn đồng).

TT	Hạng mục công việc	Giá trị (đồng)
1	Thu thập, tổng hợp tài liệu	167.110.000
2	Khảo sát, đo đạc bổ sung	1.690.459.529
2.1	Khảo sát các yếu tố thủy động lực, bùn cát	978.519.351
2.2	Khảo sát địa hình	611.242.178
2.3	Khảo sát địa chất	100.698.000
3	Thiết lập bộ công cụ mô hình phục vụ nghiên cứu giải pháp	1.306.585.000
4	Nghiên cứu phân tích nguyên nhân bồi lấp cửa An Dũ	463.762.000
5	Nghiên cứu đề xuất giải pháp chỉnh trị cửa An Dũ	828.291.000
6	Chi khác	77.236.000
	Cộng	4.533.444.000
7	Dự phòng phát sinh (5%)	226.672.200
	Tổng cộng	4.760.116.000

9. Nguồn vốn đầu tư: Vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018 hỗ trợ cho các địa phương thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và vốn ngân sách tỉnh.

10. Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.

11. Phương thức thực hiện: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Nghiên cứu xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và giải pháp khắc phục, với nội dung chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT) có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Hoài Ân và Hoài Nhơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

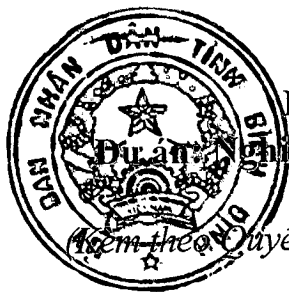
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K10 (14b). /

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu



PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự án: Nghiên cứu xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và giải pháp khắc phục
(theo Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
Dịch vụ tư vấn								
1	Tư vấn Nghiên cứu xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định và giải pháp khắc phục	4.760.116	Ngân sách Nhà nước	Chỉ định thầu	Thương thảo hợp đồng	Quý III năm 2019	Hợp đồng trọn gói	05 tháng
Tổng cộng giá trị gói thầu: 4.760.116.000 đồng								

(*) Chỉ định thầu được thực hiện theo quy định tại Điểm a và Điểm c, Khoản 1, Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội và Khoản 1 Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Ule